

Số: 12 /QĐ-THCS DX

Gia Lâm, ngày 10 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2021
của Trường THCS Dương Xá

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS DƯƠNG XÁ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức ngân sách được nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức ngân sách được nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ số liệu quyết toán thu, chi NSNN năm 2021 ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Trường THCS Dương Xá ;

Căn cứ vào Quy định công khai tài chính của Trường THCS Dương Xá;
Xét đề nghị của bộ phận Tài vụ Trường THCS Dương Xá.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 của Trường THCS Dương Xá.

(Theo biểu số 04 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài vụ, các tổ chuyên môn, cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường THCS Dương Xá thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH;
- Lưu: VT.



Phùng Thị Minh Liễu

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018 ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

TRƯỜNG THCS DƯƠNG XÁ

Chương: 022

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 12 /QĐ-THCSĐX ngày 10/01/2022 của trường THCS Dương Xá)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	1.149.963.716			
I.1	Số thu phí, lệ phí năm trước chuyển sang	27.540.016			
1	Học phí	7.612.599			
2	Học mô hình	317.856			
3	Học thêm	1.509.561			
4	Chăm sóc bán trú	0			
5	Trang thiết bị bán trú	18.100.000			
I.2	Số thu phí, lệ phí	1.122.423.700			
1	Học phí	488.037.700			
2	Học mô hình	226.200.000			
3	Học thêm	367.536.000			
4	Chăm sóc bán trú	40.650.000			
5	Trang thiết bị bán trú	0			
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	1.149.963.716			
1	Học phí	495.650.299			
2	Học mô hình	226.517.856			
3	Học thêm	369.045.561			
4	Chăm sóc bán trú	40.650.000			
5	Trang thiết bị bán trú	18.100.000			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0			
VI	Số thu phí, lệ phí chuyển năm sau	0			
1	Học phí	0			
2	Học mô hình	0			
3	Học thêm	0			
4	Chăm sóc bán trú	0			
5	Trang thiết bị bán trú	0			
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.838.255.000			
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				

2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.136.835.000			
3.2	KP không thường xuyên <CCTL.02.14>	585.305.000			
3.3	KP không thường xuyên <CCTL.02.15>	116.115.000			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Dương Xá, ngày 10 tháng 01 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Phùng Thị Minh Liễu